

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN BÌNH  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thống và bà Trần Thế Yên

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Ngọc Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thùy T, sinh năm 1997. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thùy T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22-3-2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị

T mong muốn vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị T sinh sống nhưng anh không đồng ý nên chị T đã đưa con gái về nhà bố mẹ ở thôn T, xã T, huyện Y sinh sống từ tháng 6-2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thùy T.

*Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Diễm M, sinh ngày 11-5-2020. Anh nhất trí giao cháu M cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung là 700.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Về chia tài sản và nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – chị Nguyễn Thùy T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như lời trình bày của anh T là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù, vợ chồng đã có nhiều lần hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Đến tháng 6-2020 chị cùng con gái chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn và nhất trí ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung như anh T đã trình bày, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con một lần bằng tổng số tiền là 151.200.000đồng.

*Về chia tài sản và nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên các đương sự không thống nhất được phương thức cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn - anh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T; nhất trí giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con theo phương thức hàng tháng với mức là 700.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn - chị T nhất trí ly hôn với anh T; yêu cầu được nuôi con và nhất trí cấp mức cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện

theo năm, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T để xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thùy T. Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Diễm M, sinh ngày 11-5-2020 cho chị Nguyễn Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con theo phương thức hàng tháng với mức là 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thùy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thùy T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22-3-2017, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T đều xác nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Mặc dù đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ tháng 6-2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết nhất trí ly hôn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thùy T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thùy T.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thùy T xác nhận có một con chung là Nguyễn Diễm M, sinh ngày 11-5-2020. Anh T và chị T thỏa thuận giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng. Anh T đề nghị cấp dưỡng theo tháng, chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo năm. Do các đương sự không thống nhất được phương thức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 117 luật hôn nhân gia đình buộc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng cho cháu M theo tháng, với mức cấp dưỡng là: 700.000 đồng/ tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*1. Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thùy T.

*2. Về nuôi con chung*: Giao con chung là Nguyễn Diễm M, sinh ngày 11-5-2020 cho chị Nguyễn Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con là: 700.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thùy T cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy*

*định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*3. Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0002856 ngày 28-7-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**